TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày: 28-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST–HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1994 tại An Giang; nơi thường trú: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn S và bà Võ Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 19 tháng 11 năm 2024, có mặt.

Bị hại: Bà Ứng Thị Xuân M, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C và có mối quan hệ tình cảm với bà M. Ngày 19-10-2023. Bị cáo C mượn xe mô tô của bà M để sử dụng sau đó chiếm đoạt tài sản cụ thể như

sau: Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 19-10-2023, bị cáo C nói với bà M cho mượn xe mô tô biển số 61H1 – 709.21 của bà M để đi xin việc làm thì bà M đồng ý. Bị cáo C chở bà M đến công ty A thuộc khu công nghiệp B để làm việc sau đó bà M giao xe mô tô Y hiệu Sirius biển số 61H1 – 709.21 màu xám đen cho bị cáo C. Bị cáo C điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 709.21 đi tìm việc làm tại khu vực thành phố D, tỉnh Bình Dương thì nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên. Bị cáo C vứt bỏ số sim điện thoại thường dùng sau đó mua sim điện thoại khác để sử dụng với mục đích để bà M không thể liên hệ được. Sau đó bị cáo C đem bán xe mô tô trên cho một người không rõ nhân thân lai lịch với giá 2.000.000 đồng số để lấy tiêu xài. Bà Mai S1 khi không liên lạc được với bị cáo C thì trình báo sự việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành truy nã đối với bị cáo tới ngày 19-11-2024 đã bắt giữ được bị cáo tại phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương tại Cơ quan Cảnh sát điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 31-10-2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ban hành yêu cầu trưng cầu giám định tài sản số 83 trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B định giá đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha hiệu Sirius biển số 61H1 – 709.21 màu xám đen.

Kết luận định giá số 18 ngày 21-02-2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: xe mô tô biển số 61H1 – 709.21 đăng ký lần đầu tháng 8-2022 có giá 11.000.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra thông báo truy tìm đối với tài sản là mô tô nhãn hiệu Yamaha hiệu Sirius biển số 61H1 – 709.21 màu xám đen trên tuy nhiên hiện chưa xác định được tài sản trên hiện ở đâu.

Bà M yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền 18.000.000 đồng bị cáo đồng ý tuy nhiên do chưa có tiền bồi thường nên phần dân sự chưa thực hiện được.

Cáo trạng số 13/CT–VKSBB ngày 21-01-2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức hình phạt từ 10 (mười) đến 13 (mười ba) tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại bà M yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền 11.000.000 đồng, bị cáo C đồng ý tuy nhiên do chưa có tiền bồi

thường nên phần dân sự chưa thực hiện được đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng qua phần tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và nội dung luận tội.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại thống nhất toàn bộ nội dung truy tố, luận tội và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 19-10-2023, bị cáo Nguyễn Văn C mượn xe mô tô biển số 61H1 -709.21 của bà M để đi xin việc làm sau đó bị cáo C mang bán xe mô tô trên cho một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch với giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 11.000.000 đồng. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại bà M số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) là giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

[8] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha hiệu Sirius biển số 61H1 – 709.21 màu xám đen Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra thông báo truy tìm đối với tài sản trên tuy nhiên hiện chưa xác định được tài sản trên hiện ở đâu.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm a Khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017;

Các Điều 468, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 106, Điều 136, Điều 260, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19 tháng 11 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho bị hại bà Ứng Thị Xuân M số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Minh Phúc **Nguyễn Long Giang** **Nguyễn Thị Mai**